

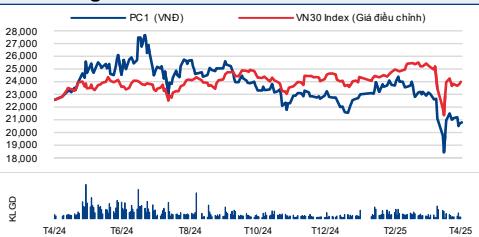
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ28,000
Tiềm năng tăng/giảm: 34.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (25/4/2025)	20,800
Mã Bloomberg	PC1 VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	18,450-27,653
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	20,800
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	7,439
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	286
Slg CP lưu hành (tr.đv)	358
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	179
Slg CP NN được mua (tr.đv)	115
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	18.0%
Tỷ lệ freefloat	71.2%
Cổ đông lớn	Trịnh Văn Tuấn (21.4%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	7,803	10,615	11,382
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,940	2,211	2,297
LN TT (tỷ đồng)	381	852	1,031
LNT ĐC (tỷ đồng)	177	430	587
FCF (tỷ đồng)	565	131	(64.9)
EPS ĐC (đồng)	496	1,201	1,640
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	14,491	16,518	18,476
T.trưởng EBITDA (%)	1.96	14.0	3.90
T.trưởng EPS ĐC (%)	(70.3)	250	36.5
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	24.9	20.8	20.2
Tỷ suất LN TT (%)	4.88	8.03	9.06
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.75	4.50	5.73
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	169	145	131
ROAE (%)	2.65	8.61	10.4
ROACE (%)	7.44	8.59	9.24
EV/doanh thu (lần)	2.06	1.48	1.39
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.28	7.10	6.89
P/E ĐC (lần)	42.0	17.3	12.7
P/B (lần)	1.44	1.26	1.13
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Từ một công ty hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng điện, PC1 đang dần mở rộng sang đầu tư vào các dự án phát điện tái tạo. Ngoài ra, PC1 cũng có một số dự án phát triển bất động sản.

Chuyên viên phân tích

Natalie Nguyễn

Trưởng Phòng, Ngành Năng Lượng
natalie.nguyen@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 110

Nguyễn Hoàng Nam

Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
nam.nhoang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 190

ĐHCĐ: Hưởng lợi từ xu hướng tăng trưởng thị trường điện

- PC1 đặt kế hoạch doanh thu năm 2025 đạt 13,4 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 33%) và LN ST đạt 836 tỷ đồng (tăng trưởng 18%), vượt ước tính của HSC. PC1 đặt tham vọng đạt vốn hóa thị trường 1 tỷ USD vào năm 2028 và 1,5 tỷ USD vào năm 2030.
- Mảng tổng thầu EPC đóng góp khoảng 37% tổng doanh thu và tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Giá trị hợp đồng chưa triển khai của PC1 đạt 3 nghìn tỷ đồng trong Q1/2025 và kỳ vọng tăng lên 6–7 nghìn tỷ đồng vào cuối năm. PC1 đang mở rộng sang các lĩnh vực có giá trị cao hơn như EPC cho các dự án cấp ngầm biển và điện mặt trời nổi, cùng với mục tiêu đạt tổng công suất cho các dự án điện trên 800 MW vào năm 2030.
- PC1 đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,8 lần, thấp hơn 1,4 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 28.000đ.

Sự kiện: PC1 tổ chức ĐHCĐ vào ngày 25/4/2025

Cho năm 2025, PC1 đặt kế hoạch doanh thu đạt 13,4 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 33%, bằng 110% so với dự báo của HSC) và LN ST đạt 836 tỷ đồng (tăng trưởng 18%, sát với dự báo). Mức tăng trưởng này được hỗ trợ bởi đà thuận lợi tại các mảng kinh doanh hiện hữu (EPC, BĐS và KCN), trong khi Công ty tập trung nâng cao năng lực và tìm kiếm sản phẩm mới thay vì mở rộng sang các lĩnh vực mới. PC1 cam kết duy trì tốc độ tăng trưởng dài hạn cho giai đoạn 2026-2030, với kế hoạch tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm từ 15–18% và tỷ suất lợi nhuận trên 10%. Về dài hạn, PC1 đặt mục tiêu đạt giá trị vốn hóa thị trường 1 tỷ USD vào năm 2028 và 1,5 tỷ USD vào năm 2030, được hỗ trợ bởi định hướng thực hiện 800 MW tổng công suất dự án điện vào năm 2030.

Mảng EPC và mảng năng lượng là động lực tăng trưởng chính

Mảng tổng thầu EPC (Thiết kế, Cung ứng vật tư, Thi công xây lắp) – đóng góp khoảng 37% tổng doanh thu trong năm 2024 – tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của PC1. Tính đến cuối Q1/2025, giá trị hợp đồng chưa triển khai của PC1 đạt 3 nghìn tỷ đồng và dự kiến sẽ tăng lên 6–7 nghìn tỷ đồng vào cuối năm. Quy hoạch điện VIII sửa đổi dự kiến sẽ giúp công suất điện của Việt Nam tăng gấp đôi lên 183GW vào năm 2030, mở ra nguồn hợp đồng EPC tiềm năng lớn, đặc biệt trong giai đoạn 2027–2030. PC1 đang tập trung duy trì tỷ suất lợi nhuận EPC ở mức 9–10% thông qua tối ưu hóa chi phí và mở rộng sang các mảng có giá trị cao hơn như lắp đặt cấp ngầm và hệ thống điện mặt trời nổi. Các dự án trọng điểm bao gồm điện gió gần bờ tại Việt Nam và điện gió trên bờ tại Philippines, tận dụng kinh nghiệm điện gió ngoài khơi trước đây của PC1 tại Côn Đảo. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang chuẩn bị gia nhập thị trường truyền tải điện cao áp (HVDC) và truyền tải điện cao thế, theo mô hình khai thác chuỗi giá trị hoàn chỉnh.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 25/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của PC1, so với năm 2024

Tỷ đồng	Thực tế 2024	Kế hoạch 2024	Kế hoạch 2025	KH 2025 / thực tế 2024
Doanh thu	10,089	10,822	13,395	33%
LN ST	710	525	836	18%
Cổ tức	15%	15%	15%	nm

Nguồn: PC1, HSC

Mảng năng lượng, đóng góp khoảng 17% tổng doanh thu năm 2024, cũng được kỳ vọng sẽ hưởng lợi từ quy hoạch điện VIII sửa đổi. PC1 có kế hoạch mở rộng danh mục dự án điện thêm 800MW vào năm 2030. Các dự án thủy điện vẫn là trọng tâm chính, được hỗ trợ bởi điều kiện thủy văn thuận lợi trong năm 2025. Công ty cũng kỳ vọng sẽ không chịu bất kỳ tác động đáng kể nào từ tranh chấp thuế quan năng lượng mặt trời đang diễn ra giữa Mỹ và Trung Quốc.

Duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 28.000đ

PC1 đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,8 lần, thấp hơn 1,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 11/2023 ở mức 20,6 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 28.000đ.

Danh mục dự án đang triển khai ở mảng BĐS nhà ở và KCN

Đối với mảng BĐS nhà ở, dự án chủ lực của PC1 là Tháp Vàng Gia Lâm (1,5 ha, 182 căn nhà) dự kiến sẽ bàn giao vào Q4/2025 với tổng vốn đầu tư 1,5 nghìn tỷ đồng và doanh thu dự kiến 2 nghìn tỷ đồng. Lượng đặt hàng trong năm 2025 dự kiến đạt 1,3 nghìn tỷ đồng, mang lại lợi nhuận trên 200 tỷ đồng. Bốn dự án nhà ở khác (Bắc Từ Liêm, Yên Thường, Gia Lâm) có tổng doanh thu kỳ vọng khoảng 7 nghìn tỷ đồng từ nay đến năm 2028.

Ở mảng KCN, KCN Nomura 2 (200 ha) tại Hải Phòng dự kiến sẽ khởi công xây dựng vào Q3/2025, với tổng vốn đầu tư 3,9 nghìn tỷ đồng. Công tác giải phóng mặt bằng đã hoàn thành 68% và dự kiến sẽ hoàn tất vào tháng 9/2025, với kế hoạch bắt đầu mở bán vào cuối năm 2025. PC1 cũng đã thành lập công ty con mới là CTCP KCN PC1 Hải Phòng để hỗ trợ triển khai dự án này. Ngoài ra, Công ty đã phê duyệt một khoản đầu tư nhỏ vào mỏ đá tại tỉnh Hà Nam nhằm giảm chi phí xây dựng KCN.

Chiến lược khai khoáng và tích hợp chuỗi giá trị theo chiều dọc

Trong mảng khai khoáng, CTCP Khoáng sản Tấn Phát đã vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2024, bất chấp giá niken giảm từ 18.000 USD xuống 15.000 USD mỗi tấn. Cho năm 2025, công ty đặt kế hoạch sản lượng tiêu thụ thận trọng với 53.000 tấn quặng niken tinh luyện, giảm 18% so với năm trước, do lo ngại biến động thị trường. Lợi nhuận đã bị ảnh hưởng bởi khoản phạt thuế trong năm 2024 nhưng dự kiến sẽ phục hồi trong 2025. Các thủ tục pháp lý cho Giai đoạn 2 của dự án khai thác niken đang được tiến hành với kỳ vọng sẽ bắt đầu hoạt động trong giai đoạn 2027–2028, qua đó ít nhất sẽ nhân đôi công suất hiện tại. PC1 tiếp tục đánh giá cao tiềm năng dài hạn của ngành niken với nhu cầu toàn cầu dự báo sẽ tăng gấp ba lần trong vòng 5–10 năm tới.

Chiến lược tài chính và quản trị rủi ro

Về mặt tài chính, PC1 đang chủ động quản lý rủi ro tỷ giá bằng cách cân đối các khoản vay bằng USD với nguồn doanh thu USD từ các dự án điện gió và khai khoáng. Công ty cũng đang nghiên cứu các phương án phòng ngừa rủi ro tỷ giá như hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi tiền tệ chéo và các lựa chọn tái cấp vốn tiềm năng. PC1 không có kế hoạch chi trả cổ tức tiền mặt trong năm 2025, thay vào đó sẽ thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% và triển khai chương trình ESOP. Chương trình ESOP dự kiến phát hành tối đa 10,7 triệu cổ phiếu (tương đương 3% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) với giá phát hành 10.000đ/cp, kèm thời gian hạn chế chuyển nhượng 2 năm. Ngoài ra, công ty cũng trích lập 10% lợi nhuận thuần để phân bổ quỹ khen thưởng.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	8,358	7,803	10,615	11,382	12,195
Lợi nhuận gộp	1,595	1,574	1,991	2,066	2,260
Chi phí BH&QL	(277)	(391)	(672)	(674)	(709)
Thu nhập khác	19.7	10.8	0	0	0
Chi phí khác	(61.1)	(28.7)	0	0	0
EBIT	1,276	1,164	1,319	1,392	1,550
Lãi vay thuần	(671)	(785)	(581)	(484)	(403)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0.70	1.58	114	124	100
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	605	381	852	1,031	1,248
Chi phí thuế TNDN	(68.5)	(83.9)	(170)	(206)	(250)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(77.1)	(160)	(205)	(173)	(199)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	460	137	477	652	799
Lợi nhuận thuần ĐC	488	177	430	587	719
EBITDA ĐC	1,903	1,940	2,211	2,297	2,473
EPS (đồng)	1,286	382	1,335	1,823	2,234
EPS ĐC (đồng)	1,365	496	1,201	1,640	2,010
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	358	358	358	358	358
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	358	358	358	358	358
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	358	358	358	358	358

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	2,581	2,112	2,352	1,501	1,709
Đầu tư ngắn hạn	1,006	769	538	592	651
Phải thu khách hàng	3,174	2,803	3,874	4,073	4,314
Hàng tồn kho	890	921	1,211	1,343	1,414
Các tài sản ngắn hạn khác	261	240	332	358	382
Tổng tài sản ngắn hạn	7,913	6,845	8,307	7,868	8,471
TSCĐ hữu hình	9,972	9,610	9,286	9,714	8,997
TSCĐ vô hình	1,302	1,236	1,192	1,135	1,060
Bất động sản đầu tư	271	146	146	146	146
Đầu tư dài hạn	1.44	1.22	4.82	4.82	4.82
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,537	1,605	1,605	1,605	1,605
Tài sản dài hạn khác	758	781	776	776	776
Tổng tài sản dài hạn	13,841	13,380	13,010	13,381	12,589
Tổng cộng tài sản	21,754	20,225	21,317	21,248	21,060
Nợ ngắn hạn	3,677	2,838	3,715	3,984	4,268
Phải trả người bán	1,285	1,049	1,049	1,049	1,049
Nợ ngắn hạn khác	564	550	812	726	811
Tổng nợ ngắn hạn	5,950	4,709	6,096	6,333	6,791
Nợ dài hạn	8,284	7,902	6,902	5,902	4,402
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	316	305	305	305	305
Nợ dài hạn khác	11.6	10.8	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	8,612	8,218	7,207	6,207	4,707
Tổng nợ phải trả	14,562	12,957	13,325	12,556	11,509
Vốn chủ sở hữu	5,116	5,183	5,908	6,608	7,467
Lợi ích cổ đông thiểu số	2,057	2,085	2,085	2,085	2,085
Tổng vốn chủ sở hữu	7,173	7,267	7,992	8,693	9,551
Tổng nợ phải trả và VCSH	21,754	20,225	21,317	21,248	21,060
BVPS (đ)	14,305	14,491	16,518	18,476	20,877
Nợ thuần/(tiền mặt)	9,380	8,629	8,266	8,384	6,961

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	1,276	1,164	1,319	1,392	1,550
Khấu hao	(627)	(776)	(892)	(906)	(923)
Lãi vay thuần	(671)	(785)	(581)	(484)	(403)
Thuế TNDN đã nộp	(68.5)	(83.9)	(170)	(206)	(250)
Thay đổi vốn lưu động	123	37.2	(761)	(389)	(164)
Khác	3.67	(158)	(44.0)	(7.16)	(43.0)
LCT thuần từ HKKD	1,289	950	655	1,211	1,614
Đầu tư TS dài hạn	(1,729)	(385)	(524)	(1,276)	(132)
Góp vốn & đầu tư	(2,490)	(1,097)	231	(53.8)	(59.2)
Thanh lý	3.22	197	0	0	0
Khác	407	1,344	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(3,808)	58.5	(293)	(1,330)	(191)
Cổ tức trả cho CSH	(40.0)	(124)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	97.4	3.21	0	0	0
Tăng/giảm nợ	2,754	(1,371)	(123)	(732)	(1,215)
Khác	0	(1.58)	0.89	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,812	(1,493)	(122)	(732)	(1,215)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,292	2,581	2,112	2,352	1,501
LCT thuần trong kỳ	292	(484)	240	(851)	208
Ảnh hưởng của tỷ giá	(2.85)	14.6	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,581	2,112	2,352	1,501	1,709
Dòng tiền tự do	(440)	565	131	(64.9)	1,483

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	19.1	20.2	18.8	18.1	18.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	22.8	24.9	20.8	20.2	20.3
Tỷ suất LNT (%)	5.50	1.75	4.50	5.73	6.55
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.3	22.1	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(15.0)	(6.64)	36.0	7.22	7.14
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	99.7	1.96	14.0	3.90	7.66
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	17.3	(63.7)	142	36.5	22.6
Tăng trưởng EPS (%)	(33.8)	(70.3)	250	36.5	22.6
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	17.3	(63.7)	142	36.5	22.6
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.37	2.65	8.61	10.4	11.4
ROACE (%)	8.90	7.44	8.59	9.24	10.6
Vòng quay tài sản (lần)	0.41	0.37	0.51	0.53	0.58
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.01	0.82	0.50	0.87	1.04
Số ngày tồn kho	48.0	54.0	51.3	52.6	51.9
Số ngày phải thu	171	164	164	160	158
Số ngày phải trả	69.3	61.5	44.4	41.1	38.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	190	169	145	131	97.4
Nợ/tài sản (%)	56.5	53.8	51.2	47.7	42.6
EBIT/lãi vay (lần)	1.90	1.48	2.27	2.88	3.85
Nợ/EBITDA (lần)	6.46	5.61	4.94	4.42	3.63
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.33	1.45	1.36	1.24	1.25
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.01	2.06	1.48	1.39	1.18
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.84	8.28	7.10	6.89	5.82
P/E (lần)	16.2	54.5	15.6	11.4	9.31
P/E ĐC (lần)	15.2	42.0	17.3	12.7	10.3
P/B (lần)	1.45	1.44	1.26	1.13	1.00
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn